

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/TCDS-ST
Ngày: 24 - 9- 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tường Vy và ông Phạm Xuân Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-TCDS, ngày 08/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-TCDS ngày 29/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-TCDS ngày 20/8/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 312/TB-TA ngày 16/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N(A); Địa chỉ: Số 18 Trần Hữu D, khu đô thị M, huyện T, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc A. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q (theo Quyết định số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của Tổng giám đốc A). Ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Khánh H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D, tại văn bản ủy quyền số 74A/QĐ-NHNoQN ngày 08 tháng 4 năm 2020. Địa chỉ: thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A) – bà Phạm Thị Khánh H trình bày:

Ngày 14/5/2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H đứng tên vay vốn A chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D tại Hợp đồng tín dụng số 3803-LAV-2202001074 số tiền cho vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời

hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 14/5/2020, lãi suất 10,5%/năm; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hoạt động kinh doanh, phục vụ đời sống. Hình thức vay có bảo đảm tài sản.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H đã sử dụng tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 242/2020/HĐTC ngày 13/5/2020 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 242/2020/VBTT ngày 13/5/2020 đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: CB 113384, có diện tích 315.1m², (trong đó đất ở 120m², đất trồng cây hàng năm khác 195,1m²) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, vị trí lô đất: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H chưa trả tiền gốc và lãi. Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, A - Chi nhánh huyện Q đề nghị Tòa án huyện Quảng Ninh buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H phải thanh toán cho A Chi nhánh huyện Q - Phòng Giao dịch D tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2021) số tiền 228.962.164 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi là 28.962.164 đồng (nợ lãi trong hạn 28.243.561 đồng; nợ lãi quá hạn 718.603 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H cho đến ngày bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H trả nợ xong cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản để thu hồi nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: CB 113384, có diện tích 315.1m², (trong đó đất ở 120m², đất trồng cây hàng năm khác 195,1m²) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị Vân và ông Lê Văn Hoành, vị trí lô đất: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/6/2021 và ngày 20/7/2021 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ

cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H có trách nhiệm trả cho A Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D số tiền 228.962.164 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi là 28.962.164 đồng (nợ lãi trong hạn 28.243.561 đồng; nợ lãi quá hạn 718.603 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 242/2020/HĐTC ngày 13/5/2020 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 242/2020/VBTT ngày 13/5/2020 đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: CB 113384, có diện tích 315.1m², (trong đó đất ở 120m², đất trồng cây hàng năm khác 195,1m²) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, vị trí lô đất: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung Hợp đồng tín dụng vay tiền, yêu cầu trả nợ của Ngân hàng N (A): Ngày 14/5/2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H đã ký Hợp đồng tín dụng với A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán các chi phí hoạt động kinh doanh, phục vụ đời sống. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không trả gốc và lãi, A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch

D đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng, xử lý tài sản đảm bảo, đơn đốc, kiểm tra, yêu cầu bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H trả nợ, bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H vẫn không trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H còn nợ A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình- Phòng giao dịch D tổng số tiền 228.962.164 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi là 28.962.164 đồng (nợ lãi trong hạn 28.243.561 đồng; nợ lãi quá hạn 718.603 đồng)

Xét hợp đồng vay vốn giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo thỏa thuận Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3803- LAV-2202001074.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3803- LAV-2202001074 ngày 14/5/2020 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 10,5%/năm. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, sau khi vay tiền cho đến ngày khởi kiện vợ chồng bà V, ông H chưa trả nợ gốc, lãi cho A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng, bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không thanh toán nợ cho A nên A chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc vợ chồng bà V, ông H phải trả cho Agribank chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D số tiền lãi là 28.962.164 đồng (nợ lãi trong hạn 28.243.561 đồng; nợ lãi quá hạn 718.603 đồng)

Về yêu cầu của A trong trường hợp bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không trả được số nợ trên thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi vay tiền để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay vốn, giữa A với bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 242/2020/HĐTC ngày 13/5/2020 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 242/2020/VBTT ngày 13/5/2020 đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: CB 113384, có diện tích 315.1m², (trong đó đất ở 120m², đất trồng cây hàng năm khác 195,1m²) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, vị trí lô đất: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào các điều 318, 319, 325 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3803- LAV-2202001074 ngày 14/5/2020; Điều 5 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 242/2020/HĐTC ngày 13/5/2020. Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số

242/2020/VBTT ngày 13/5/2020. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của A.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, phải nộp số tiền 11.448.108đ (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn một trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A). Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền: 228.962.164 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi là 28.962.164 đồng (nợ lãi trong hạn 28.243.561 đồng; nợ lãi quá hạn 718.603 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 242/2020/HĐTC ngày 13/5/2020 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 242/2020/VBTT ngày 13/5/2020 đã ký giữa A chi nhánh huyện Q Quảng Bình – Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: CB 113384, có diện tích 315.1m², (trong đó đất ở 120m², đất trồng cây hàng năm khác 195,1m²) thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, vị trí lô đất: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn H, phải nộp số tiền 11.448.108 đ (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn một trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N được hoàn trả lại số tiền 5.444.000 (Năm triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007210 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường